



Số: 67.29-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/6/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên mẫu : ĐÀU RA NƯỚC SẠCH TẠI CHI NHÁNH CẤP NƯỚC CƯ M'GAR- 03 Y NGÔNG, THỊ TRẤN QUẢNG PHÚ, HUYỆN CƯ M'GAR
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 18/6/2025
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (15h50-16h00) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Cư M'gar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 can nhựa 2L, 01 can nhựa 5L, 01 chai thủy tinh 500ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 25197
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/6/2025 đến 27/6/2025
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIETNAM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk/Address: No. Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh / Address: 64 - 66 Mac Dinh Chi, Dakao Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại (Tel): (0262) 3797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn



Số: 67.29-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/06/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	<i>Staphylococcus aureus</i> CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed.24) ^(S)	KPH (< 1,0)	< 1
2.	<i>Ps. Aeruginosa</i> CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 ^(S)	KPH (< 1,0)	< 1
3.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	US EPA Method 350.2 ^(S) (So màu/ Colorimetric)	KPH (MDL=0,1)	≤ 0,3
4.	Chỉ số pecmanganat mg/L	TCVN 6186:1996	< 0,7 (MQL)	≤ 2
5.	Hàm lượng Clorua mg/L	TCVN 6194:1996	< 5 (MQL)	≤ 250
6.	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃) mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	24,3	≤ 300
7.	Hàm lượng Mangan (Mn) mg/L	SMEWW 311B:2023	KPH (MDL = 0,04)	≤ 0,1
8.	Natri (Na) mg/L	TCVN 6196-3:2000	4,44	≤ 200
9.	Hàm lượng nhôm (Al) mg/L	US EPA Method 200.8 ^(S)	KPH (MDL=0,01)	≤ 0,2
10.	Hàm lượng Nitrat tính theo N mg/L	TCVN 6494-1:2011	0,94	≤ 2
11.	Hàm lượng Nitrit tính theo N mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL)	≤ 0,05
12.	Hàm lượng Sắt (Fe) mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,033)	≤ 0,3
13.	Hàm lượng sulfur (S ²⁻) mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023 ^(S)	KPH (MDL=0,02)	≤ 0,05
14.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,001 (MQL)	≤ 0,001
15.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) mg/L	SMEWW 2540C:2023	49,5	≤ 1000
16.	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) mg/L	TCVN 6181:1996 ^(S)	KPH (MDL=0,005)	≤ 0,05
17.	Hàm lượng styren µg/L	US EPA Method 8260D ^(S)	KPH (MDL=0,5)	≤ 20
18.	Hàm lượng xylene µg/L	US EPA Method 8260D ^(S)		≤ 500
	+ m+p-xylene µg/L		KPH (MDL=1,0)	-
	+ o-xylene µg/L		KPH (MDL=0,5)	-



Số: 67.29-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/06/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
19.	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol μg/L	TCVN 6216:1996 ^(S)	KPH (MDL=0,3)	≤ 1
20.	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine + Atrazine μg/L + Atrazine-desisopropyl μg/L + Atrazine-desethyl μg/L + Atrazine-desethyl-desisopropyl μg/L	US EPA Method 536 ^(S)	KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=10)	≤ 100 - - - -
21.	Hàm lượng trifuralin μg/L	US EPA Method 3510C ^(S) và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL=0,05)	≤ 20
22.	Hàm lượng chlopyrifos μg/L	US EPA Method 3510C ^(S) và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL=1,0)	≤ 30
23.	Hàm lượng monocloramin mg/L	TCVN 6225-2:2021 ^(S)	KPH (MDL=0,02)	≤ 3,0
24.	Hàm lượng axit monocloroaxetic μg/L	US EPA Method 552.3 ^(S)	KPH (MDL=5,0)	≤ 20

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Nước sinh hoạt – Đầu ra nước sạch tại hộ nhà dân – 03 Y Ngông, Thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar, tọa độ: 12°49'16,7'' N, 108°04'51,4'' E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 59/Q4-ĐLTN2 ngày 18/6/2025;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- S: phép thử do nhà thầu phụ thực hiện;
- (*): Chương II: Quy định về kỹ thuật - QCDP 1:2024/ĐL - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



Số: 67.30-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/6/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT –ĐẦU RA NƯỚC SẠCH TẠI TRẠM Y TẾ
THỊ TRẤN EA PÔK – 81 TỔ DÂN PHỐ QUYẾT TIẾN,
THỊ TRẤN EA PÔK, HUYỆN CƯ M'GAR
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột,
tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 18/6/2025
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (16h20-16h30) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk –
Chi nhánh Cấp nước Cư M'gar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 can nhựa 2L, 01 can nhựa 5L, 01 chai thủy
tinh 500ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 25198
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/6/2025 đến 27/6/2025
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa



Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk/Address: No. Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh / Address: 64 - 66 Mac Dinh Chi, Dakao Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại (Tel.): (0262) 3797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn



Số: 67.30-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/06/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	<i>Staphylococcus aureus</i> CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed.24) ^(S)	KPH (< 1,0)	< 1
2.	<i>Ps. Aeruginosa</i> CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 ^(S)	KPH (< 1,0)	< 1
3.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	US EPA Method 350.2 ^(S) (So màu/ Colorimetric)	KPH (MDL=0,1)	≤ 0,3
4.	Chỉ số pecmanganat mg/L	TCVN 6186:1996	< 0,7 (MQL)	≤ 2
5.	Hàm lượng Clorua mg/L	TCVN 6194:1996	12,9	≤ 250
6.	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃) mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	120,0	≤ 300
7.	Hàm lượng Mangan (Mn) mg/L	SMEWW 311B:2023	KPH (MDL = 0,04)	≤ 0,1
8.	Natri (Na) mg/L	TCVN 6196-3:2000	25,7	≤ 200
9.	Hàm lượng nhôm (Al) mg/L	US EPA Method 200.8 ^(S)	KPH (MDL=0,01)	≤ 0,2
10.	Hàm lượng Nitrit tính theo N mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL)	≤ 0,05
11.	Hàm lượng Sắt (Fe) mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,033)	≤ 0,3
12.	Hàm lượng sulfur (S ²⁻) mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2023 ^(S)	KPH (MDL=0,02)	0,05
13.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,001 (MQL)	0,001
14.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) mg/L	SMEWW 2540C:2023	191,5	1000
15.	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) mg/L	TCVN 6181:1996 ^(S)	KPH (MDL=0,005)	≤ 0,05
16.	Hàm lượng styren µg/L	US EPA Method 8260D ^(S)	KPH (MDL=0,5)	≤ 20
17.	Hàm lượng xylen µg/L	US EPA Method 8260D ^(S)		≤ 500
	+ m+p-xylene µg/L		KPH (MDL=1,0)	-
	+ o-xylene µg/L		KPH (MDL=0,5)	-





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
COMMISSION FOR THE STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY OF VIET NAM
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 4
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 4

Địa chỉ: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk/Address: No. Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Chi nhánh Trung tâm Kỹ thuật 4 - Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp/Technical Center Branch 4 - Business Support Center
Địa chỉ: 64 - 66 Mạc Đình Chi, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh / Address: 64 - 66 Mac Dinh Chi, Dakao Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Điện thoại (Tel.): (0262) 3797999; Email: quatest4@tcvn.gov.vn; Web.: quatest4.com.vn



Số: 67.30-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/06/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
18.	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol μg/L	TCVN 6216:1996 ^(S)	KPH (MDL=0,3)	≤ 1
19.	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine + Atrazine μg/L + Atrazine-desisopropyl μg/L + Atrazine-desethyl μg/L + Atrazine-desethyl-desisopropyl μg/L	US EPA Method 536 ^(S)	KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=10)	≤ 100 - - - -
20.	Hàm lượng trifuralin μg/L	US EPA Method 3510C ^(S) và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL=0,05)	≤ 20
21.	Hàm lượng chlopyrifos μg/L	US EPA Method 3510C ^(S) và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL=1,0)	≤ 30
22.	Hàm lượng monocloramin mg/L	TCVN 6225-2:2021 ^(S)	KPH (MDL=0,02)	≤ 3,0
23.	Hàm lượng axit monocloroaxetic μg/L	US EPA Method 552.3 ^(S)	KPH (MDL=5,0)	≤ 20

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Nước sinh hoạt –Đầu ra nước sạch tại Trạm y tế thị trấn Ea Pôk – 81 Tổ dân phố Quyết Tiến, thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar ; toạ độ: 12°44'03,0'' N, 108°07'43,4''E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 59/Q4-ĐLTN2 ngày 18/6/2025;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- S: phép thử do nhà thầu phụ thực hiện;
- (*): Chương II: Quy định về kỹ thuật - QCDP 1:2024/ĐL - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./



Số: 67.31-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/6/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên mẫu : NƯỚC SINH HOẠT - ĐẦU RA BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH CỦA TRẠM XỬ LÝ CƯ M'GAR-THÔN 2, THỊ TRẤN EA PÔK, HUYỆN CƯ M'GAR
- Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk
- Địa chỉ : Số 339 Tôn Đức Thắng, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Ngày lấy mẫu : 18/6/2025
- Thời gian và Địa điểm lấy mẫu : (16h40-16h50) – Công ty Cổ phần Cấp nước Đắk Lắk – Chi nhánh Cấp nước Cư M'gar
- Mô tả mẫu : Mẫu được chứa trong 01 can nhựa 2L, 01 can nhựa 5L, 01 chai thủy tinh 500ml
- Số lượng : 01
- Ký hiệu mẫu : 25199
- Thời gian thử nghiệm : từ 17/6/2025 đến 27/6/2025
- Kết quả thử nghiệm : Như trang sau

PHỤ TRÁCH PHÒNG ĐLTN2

Vũ Thị Hoa

Q. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
1.	<i>Staphylococcus aureus</i> CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed.24) ^(S)	KPH (< 1,0)	< 1
2.	<i>Ps. Aeruginosa</i> CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 ^(S)	KPH (< 1,0)	< 1
3.	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) mg/L	US EPA Method 350.2 ^(S) (So màu/ Colorimetric)	KPH (MDL=0,1)	≤ 0,3
4.	Chỉ số pecmanganat mg/L	TCVN 6186:1996	< 0,7 (MQL)	≤ 2
5.	Hàm lượng Clorua mg/L	TCVN 6194:1996	13,7	≤ 250
6.	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃) mgCaCO ₃ /L	SMEWW 2340C:2023	122,0	≤ 300
7.	Hàm lượng Mangan (Mn) mg/L	SMEWW 311B:2023	KPH (MDL = 0,04)	≤ 0,1
8.	Natri (Na) mg/L	TCVN 6196-3:2000	27,4	≤ 200
9.	Hàm lượng nhôm (Al) mg/L	US EPA Method 200.8 ^(S)	KPH (MDL=0,01)	≤ 0,2
10.	Hàm lượng Nitrit tính theo N mg/L	TCVN 6178:1996	< 0,005 (MQL)	≤ 0,05
11.	Hàm lượng Sắt (Fe) mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,033)	≤ 0,3
12.	Hàm lượng sulfur (S ²⁻) mg/L	SMEWW 4500 S ²⁻ -D:2023 ^(S)	KPH (MDL=0,02)	≤ 0,05
13.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,001 (MQL)	≤ 0,001
14.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) mg/L	SMEWW 2540C:2023	212,5	≤ 1000
15.	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) mg/L	TCVN 6181:1996 ^(S)	KPH (MDL=0,005)	≤ 0,05
16.	Hàm lượng styren μg/L	US EPA Method 8260D ^(S)	KPH (MDL=0,5)	≤ 20
17.	Hàm lượng xylen μg/L	US EPA Method 8260D ^(S)		≤ 500
	+ m+p-xylene μg/L		KPH (MDL=1,0)	-
	+ o-xylene μg/L		KPH (MDL=0,5)	-



Số: 67.31-ĐLTN2/206/KT4-KH

Ngày: 30/06/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm	Mức quy định (*)
18.	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol μg/L	TCVN 6216:1996 ^(S)	KPH (MDL=0,3)	≤ 1
19.	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine + Atrazine μg/L + Atrazine-desisopropyl μg/L + Atrazine-desethyl μg/L + Atrazine-desethyl-desisopropyl μg/L	US EPA Method 536 ^(S)	KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=1,0) KPH (MDL=10)	≤ 100 - - - -
20.	Hàm lượng trifuralin μg/L	US EPA Method 3510C ^(S) và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL=0,05)	≤ 20
21.	Hàm lượng chlopyrifos μg/L	US EPA Method 3510C ^(S) và US EPA Method 8270E ^(S)	KPH (MDL=1,0)	≤ 30
22.	Hàm lượng monocloramin mg/L	TCVN 6225-2:2021 ^(S)	KPH (MDL=0,02)	≤ 3,0
23.	Hàm lượng axit monocloroaxetic μg/L	US EPA Method 552.3 ^(S)	KPH (MDL=5,0)	≤ 20

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009, TCVN 8880:2011;
- Vị trí lấy mẫu: Nước sinh hoạt - Đầu ra Bể chứa nước sạch của Trạm xử lý Cự M'gar-Thôn 2, Thị trấn Ea Pôk, huyện Cự M'gar; toạ độ: 12°48'16,0'' N, 107°04'48,5'' E
- Quá trình lấy mẫu thể hiện theo biên bản lấy mẫu số: 59/Q4-ĐLTN2 ngày 18/6/2025;

Ghi chú:

- Tên, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng;
- KPH: không phát hiện;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp;
- S: phép thử do nhà thầu phụ thực hiện;
- (*): Chương II: Quy định về kỹ thuật - QCDP 1:2024/ĐL - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
- Kết quả thử nghiệm có giá trị trên mẫu thử được lấy tại hiện trường;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 4;
- Trung tâm Kỹ thuật 4 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả./.